

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0652054 - Auto CAD
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phạm Xuân	Hoàng	3451010020	17/07/1991	9,50		5,20	
2	Nguyễn Trần Phát	Tài	3551010007	21/10/1993	8,70		4,80	
3	Nguyễn Giang	Nam	3551010009	10/10/1993	8,80		5,00	
4	Lê Thành	Thái	3551010010	02/01/1993	10,00		5,70	
5	Lê Trung	Nghĩa	3551010012	12/11/1992	9,20		5,30	
6	Nguyễn Hữu	Hoàng	3551010015	01/04/1993	5,90		2,00	
7	Nguyễn Văn	Riêm	3551010017	25/12/1993	,00		,00	CT
8	Ngô Văn	Cường	3551010019	16/09/1993	9,30		5,10	
9	Văn Công	Thạch	3551010020	11/08/1992	7,60		4,60	
10	Phan Văn	Hải	3551010025	20/06/1993	9,70		5,40	
11	Nguyễn Chương	Phi	3551010034	01/07/1993	,00		,00	
12	Hồ Quý	Dậu	3551010035	10/07/1993	8,60		4,70	
13	Nguyễn Toàn	Thi	3551010036	26/12/1993	6,90		4,30	
14	Nguyễn Quốc	Hưng	3551010037	20/03/1993	8,70		4,90	
15	Dương Xuân	Nam	3551010039	19/04/1993	5,90		2,90	
16	Đoàn Thanh	Hùng	3551010046	24/04/1993	10,00		5,70	
17	Văn Tấn	Cương	3551010052	17/04/1993	,00		,00	CT
18	Nguyễn Tuấn	Vũ	3551010056	01/11/1993	9,50		5,30	
19	Hoàng Thanh	Văn	3551010065	08/05/1992	,00		,00	CT
20	Đào Ngọc	Quý	3551010071	23/11/1993	8,70		4,90	
21	Trần Văn	Nam	3551010079	19/05/1993	9,40		5,10	
22	Vũ Đình	Hiển	3551010085	22/03/1993	7,50		5,40	
23	Trần Anh	Dũng	3551010087	21/10/1993	9,80		5,50	
24	Bùi Văn	Lưu	3551010093	15/07/1992	,00		,00	CT
25	Võ Văn	Tĩnh	3551010095	20/02/1991	9,80		5,50	
26	Huỳnh Thới	Lai	3551010097	22/11/1993	8,90		5,40	
27	Nguyễn Quang	Vinh	3551010100	24/08/1993	,00		,00	CT
28	Đỗ Văn Hồng	Phong	3551010103	19/12/1992	,00		,00	CT
29	Phạm Văn	Nghiệp	3551010107	14/06/1993	9,80		5,50	
30	Nguyễn Hoàng	Hải	3551010114	05/04/1993	9,60		5,70	
31	Châu Nhật	Đang	3551010120	10/08/1993	6,70		4,20	
32	Nguyễn Đông	Đức	3551010126	26/12/1993	9,50		5,20	
33	Phan Hoài	Dưỡng	3551010129	09/10/1992	8,30		4,90	
34	Đình Công	Thắng	3551010134	09/04/1993	2,60		4,30	
35	Trịnh Dung	Việt	3551010140	02/02/1993	,00		,00	CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Mai Văn	Chung	3551010143	01/09/1992	9,90		5,60	
37	Nguyễn Thành	Chiến	3551010153	24/02/1993	8,80		4,90	
38	Tô Văn	Phương	3551010156	03/04/1993	7,10		4,10	
39	Hồ Đức	Trường	3551010158	05/11/1992	7,30		3,90	
40	Trần Đại	Phúc	3551010182	22/03/1993	9,00		4,70	
41	Nguyễn Mạnh	Hà	3551010235	12/06/1993	10,00		5,70	
42	Huỳnh Ngọc	Trân	3551010237	29/11/1993	,00		,00	CT
43	Vô Văn	Tuấn	3551010247	25/04/1991	8,10		5,50	
44	Lăng Trọng	Lực	3551010271	17/11/1993	8,50		4,70	
45	Tô Thanh	Tuấn	3551010280	20/07/1993	,00		,00	CT
46	Trần Duy	Phúc	3551010304	20/06/1993	7,60		4,60	
47	Trần Trung	Hiếu	3551010306	20/08/1993	8,90		5,40	
48	Lê Xuân	Thành	3551010312	10/06/1993	7,50		4,50	
49	Trần Vũ Khắc	Hoài	3551010324	17/04/1992	,00		,00	CT
50	Lê Xuân	Quyết	3551010345	03/03/1993	,00		,00	CT
51	Nguyễn Viết	Thuận	3551010346	15/02/1993	,00		,00	
52	Nguyễn Văn	Tiếng	3551010357	16/05/1993	5,70		4,00	
53	Phạm Hồng	Nam	3551010370	30/10/1992	,00		,00	CT
54	Phan Văn	Thắng	3551010375	28/10/1993	,00		,00	CT
55	Nguyễn Trần Anh	Tuấn	3551010380	19/04/1992	,00		,00	CT
56	Nguyễn Đăng	Khôi	3551010384	06/11/1993	8,80		4,90	
57	Phạm Thanh	Tú	3551010387	30/07/1993	8,90		5,10	
58	Vô Thanh	Trí	3551010392	06/12/1992	,00		,00	CT
59	Nguyễn Văn	Trung	3551010412	25/04/1993	,00		,00	CT
60	Trần Thái	Son	3551010417	04/01/1990	10,00		5,70	
61	Nguyễn Văn	Tú	3551010418	04/08/1992	8,90		4,60	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)